

Số: ~~1377~~ /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 19 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện lỵ Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam đến năm 2040

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 về quy định chi tiết một số nội dung quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Xây dựng: Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”; Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông báo số 348-TB/TU ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án thành lập thị trấn Thanh Liêm và tiến độ thực hiện Quy hoạch trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm;

Căn cứ các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2011 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 về việc công nhận khu vực Trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm đạt tiêu chí đô thị loại V; Văn bản số 2230/UBND-GTXD ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc rà soát, thực hiện việc thành lập đơn vị hành chính đô thị theo nội dung Văn bản số 262/UBTVQH14-PL ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2019 phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện lỵ Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam đến năm 2040;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng (tại Báo cáo thẩm định số 1244/SXD-QHKT ngày 18 tháng 7 năm 2019),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện lỵ Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam đến năm 2040, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện lỵ Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam đến năm 2040.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm.

3. Vị trí, quy mô phạm vi nghiên cứu:

3.1. Phạm vi lập quy hoạch: Gồm toàn bộ phạm vi địa giới hành chính các xã: Thanh Lưu, Thanh Bình, huyện Thanh Liêm. Vị trí cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp địa giới hành chính xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm;
- Phía Nam giáp địa giới hành chính các xã: Thanh Hương, Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm;
- Phía Đông giáp địa giới hành chính các xã: Liêm Thuận, Liêm Cần, huyện Thanh Liêm;
- Phía Tây giáp địa giới hành chính các xã: Thanh Hương, Thanh Phong, Thanh Hà, huyện Thanh Liêm.

3.2. Quy mô lập quy hoạch: Tổng diện tích lập quy hoạch toàn đô thị 1.175,66 ha (*diện tích xã Thanh Lưu khoảng 698,95ha, diện tích xã Thanh Bình khoảng 476,71ha*).

4. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Xây dựng đô thị huyện lỵ Thanh Liêm là đô thị trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế văn hóa - xã hội của huyện Thanh Liêm.
- Xác định khung kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.
- Quy hoạch xây dựng mới gắn với việc cải tạo nâng cấp các khu vực hiện có, khớp nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc, nâng cao điều kiện môi trường sống, cảnh quan chung.
- Sử dụng hợp lý quỹ đất xây dựng, tạo lập môi trường sống văn minh, hiện đại, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.
- Đề xuất danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện; kiểm soát phát triển và quản lý đô thị.
- Làm cơ sở để triển khai quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong đô thị; Là căn cứ pháp lý để quản lý và triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

5. Tính chất và chức năng đô thị:

- Là trung tâm hành chính - chính trị, thương mại - dịch vụ, văn hóa - thể thao, y tế, giáo dục - đào tạo của huyện Thanh Liêm;
- Là đô thị trung tâm, động lực phát triển kinh tế - xã hội của huyện Thanh Liêm;
- Là thị trấn, đô thị loại V trực thuộc huyện Thanh Liêm.

6. Dự báo dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2018: 9.496 người.
- Đến năm 2030 khoảng 19.000 người.
- Đến năm 2040 khoảng 31.000 người.

7. Định hướng phát triển:

7.1. Định hướng phát triển không gian:

- Không gian đô thị huyện lỵ được phát triển theo mô hình ô bàn cờ với tuyến đường vành đai kinh tế T1 và trục đường ĐT495, ĐT499B là trục xương sống của đô thị. Hệ thống đường chính đô thị, đường liên khu vực, đường chính khu vực được thiết kế dựa trên mạng lưới đường hiện trạng, cải tạo thành đường đô thị. Hình thành các tuyến hành lang xanh - trục cảnh quan của đô thị kết nối không gian chung của vùng huyện.

- Xây dựng trung tâm hành chính mới tập trung của huyện Thanh Liêm, tạo động lực thu hút các loại hình dịch vụ, gắn với các khu vực phát triển dân cư mới tại khu vực vị trí phía Đông. Công viên trung tâm kết nối không gian văn hóa đô thị - thể dục thể thao, tạo thành lõi xanh tại trung tâm đô thị. Các lớp không gian được phát triển theo các nhánh giao thông vuông góc với hướng Bắc Nam, tận dụng tối đa thông gió tự nhiên và tránh bị chiếu nắng trực tiếp. Tăng diện tích phủ xanh trong khuôn viên công trình, chú trọng sử dụng các loại cây bóng mát, có tỷ lệ che phủ bóng râm cao. Mạng xanh trong khu vực được hình thành bởi các không gian xanh giữa các khối nhà, các hành lang xanh kết nối các khu vực đồi núi tự nhiên với các khu chức năng trong đô thị, hình thành các trục xanh dẫn hướng kết nối với không gian xanh đô thị tạo sự hòa nhập với cấu trúc toàn đô thị.

- Khu dân cư hiện hữu được cải tạo, kết hợp chỉnh trang theo hướng bổ sung, tăng cường hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hạ tầng xã hội; đặc biệt là không gian công cộng, giữ được cấu trúc làng xóm cũ. Hạn chế việc tăng thêm mật độ, khuyến khích hình thức nhà ở truyền thống và nhà ở sinh thái mới.

- Các khu ở mới được phát triển theo nguyên tắc lan tỏa, xen cây dựa vào các khu vực dân cư hiện hữu trong khu vực, tập trung mật độ cao chủ yếu tại khu vực phía Đông xung quanh khu hành chính tập trung mới. Ưu tiên phát triển các loại hình nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ tại dọc các tuyến đường chính, nhằm tăng cường phát triển các loại hình dịch vụ tại địa phương, gắn với lợi thế về kết nối giao thông tiếp cận. Các khu vực dân cư mới nằm ngoài khu vực lõi trung tâm đô thị khuyến khích phát triển dân cư mật độ thấp, gắn với các khu dân cư hiện hữu, hình thức nhà truyền thống và nhà ở sinh thái mới.

- Thu hút, phát triển mô hình du lịch sinh thái cảnh quan gắn với Khu du lịch sinh thái Chùa Tiên hiện có.

7.2. Định hướng các khu vực chức năng đô thị:

- Khu vực trung tâm hành chính với chức năng: là trung tâm hành chính, trung tâm văn hóa, thương mại, dịch vụ du lịch, đào tạo, y tế của đô thị huyện lỵ Thanh Liêm gắn với trung tâm văn hóa, thể dục thể thao của huyện. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đa dạng trong phong cách kiến trúc kết hợp với các giải pháp thiết kế đô thị tạo ra một khu vực trung tâm đô thị kết hợp cây xanh cảnh quan hiện đại và có đầy đủ tiện ích đô thị, chú trọng đến không gian bên ngoài công trình như quảng trường nhỏ, vỉa hè, không gian nghỉ chân...

- Trung tâm giáo dục: Giữ nguyên các vị trí trường học, điểm trường hiện hữu, bố trí mới trường THCS chất lượng cao, trường học liên cấp tại khu vực phía Tây Nam đường T1, gắn với khu cây xanh thể dục thể thao mới của đô thị.

- Các khu chức năng thương mại tổng hợp: Ngoài khu vực chợ hiện hữu cải tạo nâng cấp thành trung tâm thương mại phía Bắc tuyến đường T1, bố trí mới cụm các công trình dịch vụ thương mại mới tại khu vực nút giao giữa các tuyến đường T1, T4 tạo thành điểm nhấn cửa ngõ phía Tây của đô thị, tận dụng lợi thế về giao thông gắn với tuyến QL1A và tuyến đường trục Bắc Nam quy hoạch rộng 68m kéo dài từ trung tâm thành phố Phù Lý xuống khu vực. Bố trí các điểm dịch vụ công cộng phục vụ khu sinh thái và danh thắng Chùa Tiên.

- Khu ở mới: Gồm khu ở mới sinh thái, khu ở mới tập trung, các khu ở mới mang hình ảnh khu ở hiện đại, có mật độ thấp, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội đồng bộ.

- Hệ thống làng xóm hiện trạng cải tạo chỉnh trang, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, ưu tiên cải tạo và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội đồng bộ, đạt tiêu chuẩn đô thị.

- Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp huyện: Giữ nguyên quy mô và vị trí trên trục tỉnh lộ 499B, gần trụ sở UBND xã Thanh Lưu hiện nay. Bố trí hệ thống cây xanh cách ly, đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường, hạn chế mức độ ảnh hưởng đến đô thị.

- Bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối, các trục hành lang xanh, không gian xanh kết hợp đường giao thông tạo cảnh quan cho toàn đô thị.

- Ngoài các khu chức năng theo Quy hoạch, các khu vực đất an ninh quốc phòng, đất tôn giáo tín ngưỡng, di tích lịch sử văn hóa, mặt nước cảnh quan các hồ, sông, kênh mương, nghĩa trang liệt sỹ được giữ nguyên hiện trạng và khoanh vùng bảo vệ.

- Khu vực cấm xây dựng: Không được xây dựng các công trình vi phạm vào diện tích các khu vực nghĩa trang, cải tạo chỉnh trang về cảnh quan sân vườn trong khuôn viên nghĩa trang, bổ sung thêm diện tích cây xanh. Không xây dựng các công trình vi phạm vào diện tích đất an ninh quốc phòng.

7.3. Cơ cấu sử dụng đất:

Stt	Hạng mục	Hiện trạng năm 2018		Giai đoạn đến năm 2030		Giai đoạn đến năm 2040	
		Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
		ha	%	ha	%	ha	%
	Tổng DT đất tự nhiên	1.175,7	100,0	1.175,7	100,0	1.175,7	100,0
	- Đất xây dựng đô thị	195,9	16,7	349,0	29,7	589,7	50,2
	- Đất khác	979,8	83,3	826,8	70,3	586,0	49,8
A	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị	195,9	100,0	349,0	100,0	589,7	100,0
I	Đất dân dụng	137,4	70,1	260,7	74,7	428,1	72,6
1	Đất ở hiện trạng	88,3	45,1	88,3	25,3	88,3	15,0
2	Đất ở mới		-	42,5	12,2	109,5	18,6
3	Đất CTCC	13,0	6,6	40,3	11,5	59,2	10,0
	<i>Cơ quan CTCC</i>	2,4	1,2	8,2	2,4	9,8	1,7
	<i>Giáo dục</i>	5,8	3,0	7,3	2,1	9,7	1,7
	<i>Y tế</i>	1,6	0,8	2,1	0,6	2,1	0,4
	<i>Dịch vụ tổng hợp</i>	3,2	1,6	22,6	6,5	37,6	6,4

4	Đất sử dụng hỗn hợp		-	13,1	3,8	38,3	6,5
5	Đất cây xanh, TDTT	0,6	0,3	16,3	4,7	32,5	5,5
6	Đất giao thông đô thị	35,6	18,1	60,2	17,3	100,3	17,0
II	Đất ngoài dân dụng	58,5	29,9	88,3	25,3	161,6	27,4
7	Đất cơ quan, trường chuyên nghiệp...	6,0	3,1	9,0		9,4	
8	Đất công nghiệp, TTCN, VLXD, kho tàng	5,2	2,7	5,2		30,5	
9	Đất giao thông đối ngoại	6,3	3,2	9,4		50,6	
10	Đất cây xanh cách ly					5,4	
11	Đất năng lượng	0,3	0,1	0,3		0,3	
12	Đất du lịch sinh thái, cảnh quan...			21,1		21,1	
13	Đất quốc phòng	19,2	9,8	19,2		19,2	
14	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	14,3	7,3	14,3		15,5	
15	Đất HTKT, CT đầu mối....		-	2,5		2,5	
16	Đất tôn giáo, di tích lịch sử, văn hoá	7,3	3,7	7,3		7,3	
B	Đất khác	979,8		826,8		586,0	
1	Đất nông nghiệp	706,4		609,2		332,9	
2	Đất dự trữ phát triển			27,1		121,2	
4	Đất sông, suối và mặt nước	28,8		26,0		26,0	
5	Đất đồi núi tự nhiên, đất rừng	98,9		93,0		93,0	
6	Đất khác	142,5		71,4		12,9	
7	Đất chưa sử dụng	3,2					

7.4. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.4.1. Hệ thống giao thông:

a) Giao thông đối ngoại gồm các tuyến:

- Tuyến đường ĐT495 có mặt cắt 13,5m (2×3m hè + 7,5m lòng đường). Đoạn đi qua khu vực trung tâm có mặt cắt 17,5m (2×5m hè + 7,5m lòng đường).
- Tuyến đường ĐT499B có mặt cắt 17,5m (2×5m hè + 7,5m lòng đường).
- Tuyến đường ĐH06 có mặt cắt 25m (2×5m hè + 15m lòng đường).

b) Giao thông đô thị: Tận dụng mạng lưới đường giao thông hiện có, nâng cấp cải tạo đạt tiêu chuẩn đường đô thị, kết nối hợp lý với mạng lưới đường đối ngoại. Tổ chức các nút giao thông tại các điểm giao cắt giữa đường đối ngoại và tuyến đường chính đô thị cũng như các điểm cửa ngõ đô thị. Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường thôn xóm hiện có phù hợp với điều kiện hiện trạng. Cụ thể:

- Đường chính đô thị:

- + Tuyến đường T1 (mặt cắt 2-2): 2×5m (hè) + 2×7m (lòng đường gom) + 2×5m (DPC) + 2×11,25m (lòng đường) + 9m (DPC giữa) = 65,5m.
- + Tuyến đường T4 (mặt cắt 3-3): 2×10m (hè) + 2×15m (lòng đường) + 18m (DPC giữa) = 68m.

- Đường liên khu vực (mặt cắt 4-4): $2 \times 5\text{m (hè)} + 15\text{m (lòng đường)} = 25\text{m}$.

- Đường khu vực:

+ Mặt cắt 5-5: $2 \times 5\text{m (hè)} + 2 \times 7,5\text{m (lòng đường)} + 6\text{m (DPC giữa)} = 31\text{m}$.

+ Mặt cắt 7-7: $2 \times 5\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} = 17,5\text{m}$.

+ Mặt cắt 1*-1*: $2 \times 3\text{m (hè)} + 7\text{m (lòng đường)} = 13\text{m}$.

+ Mặt cắt 6-6: $2 \times 2,5\text{m (hè)} + 6\text{m (lòng đường)} = 11\text{m}$.

- Công trình phục vụ giao thông: Xây dựng 01 bến xe thị trấn, 09 bãi đỗ xe kết hợp cây xanh, công trình thương mại.

7.4.2. Hệ thống thoát nước mưa:

- Lưu vực và hướng thoát nước: Phân chia thành 03 lưu vực chính thoát nước ra sông Kinh Thủy và hệ thống kênh tiêu trong khu vực. Cụ thể:

+ Lưu vực 01: Lưu vực phía Tây Bắc có tổng diện tích khoảng 380ha, tiêu thoát nước tự chảy về kênh tiêu KT6.

+ Lưu vực 02: Lưu vực phía Tây Nam có tổng diện tích khoảng 610ha, tiêu thoát nước tự chảy về kênh tiêu KT6, KT10, KB8.

+ Lưu vực 03: Lưu vực phía Đông có tổng diện tích khoảng 180ha, tiêu thoát nước tự chảy về kênh tiêu KT6 và sông Kinh Thủy.

- Kết cấu:

+ Hệ thống thoát nước mưa khu vực đô thị được bố trí riêng biệt với hệ thống thoát nước thải, thiết kế hoạt động theo chế độ tự chảy, bao gồm: tuyến cống, giếng thu nước mưa, giếng kỹ thuật, hố ga, cửa xả.

+ Khu vực làng xóm, cơ quan, công cộng đã xây dựng ổn định, cải tạo nâng cấp mương, cống hiện trạng. Xây mới sử dụng mương xây đập nắp đan kín hoặc cống hộp bằng bê tông cốt thép.

+ Khu xây dựng mới sử dụng mương xây đập nắp đan, cống hộp kín, kết hợp với cống tròn bê tông cốt thép.

+ Sử dụng cống hộp bê tông cốt thép kích thước B x H từ $400 \times 600\text{mm}$ đến $800 \times 800\text{mm}$.

7.4.3. Hệ thống cấp nước:

- Dự kiến nhu cầu dùng nước đến năm 2030 khoảng $3.1000 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$, đến năm 2040 khoảng $6.200 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$.

- Nguồn cấp nước: Từ Nhà máy nước sạch Thanh Lưu (công suất $1.000 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$) và Nhà máy nước Đồng Tâm (có công suất $5.000 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$).

- Mạng lưới đường ống cấp nước: Sử dụng mạng nhánh kết hợp mạng vòng để cấp nước đến khu vực tiêu thụ, sử dụng ống HDPE, tuyến ống có đường kính ống D110 đến D160.

7.4.4. Hệ thống cấp điện:

- Tổng công suất dự kiến đến năm 2030 khoảng 11.434 KW, đến năm 2040 khoảng 20.070KW.

- Nguồn điện được lấy từ các trạm: trạm 110/35(22)KV Thạch Tổ công suất 15MVA, Trạm 110/35(22)KV Thanh Nghị công suất (25+40) MVA, Trạm 110/35(22)KV Phù Lý có công suất (25+40) MVA.

- Lưới điện trung thế và hạ thế: các tuyến đường điện trung thế 22KV, 35KV, 0,4KV hiện có được được cải tạo, nắn tuyến theo quy hoạch, chuyển thành đi ngầm đối với khu mới, đi nổi đối với khu dân cư cũ và đưa về sử dụng cấp điện áp chuẩn 22KV.

7.4.5. Hệ thống thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Thoát nước thải:

- Tổng lượng nước thải phát sinh đến năm 2030 khoảng 1.900 m³/ng.đ, đến năm 2040 khoảng 4.200 m³/ng.đ. Khu vực phát triển đô thị sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Khu vực dân cư nông thôn hiện hữu, trước mắt sử dụng hệ thống thoát nước chung, giai đoạn sau từng bước cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Cụm công nghiệp sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn và được xử lý tập trung.

- Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tập trung phục vụ đô thị đặt tại khu vực phía Tây Nam có công suất 4.000 m³/ng.đ.

- Hệ thống công thoát nước gồm các tuyến cống D300, D400, D600.

b) Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang.

- Nhu cầu thu gom, xử lý chất thải rắn theo tính toán trên toàn bộ phường khoảng 16,3 tấn/ngày.đêm (năm 2030), khoảng 37,1 tấn/ngày.đêm (đến năm 2040).

- Tổ chức thu gom rác tại khu vực công cộng bằng các thùng đựng rác riêng. Trong các khu dân cư mới và cũ tổ chức đặt các thùng đựng rác, bán kính phục vụ từ 200÷300m, thu gom hàng ngày và chở đến bãi tập trung rác thải của khu vực sau đó được vận chuyển bằng xe ép rác đến khu xử lý chất thải tập trung của tỉnh.

- Thực hiện theo quy định của tỉnh về quy hoạch, quản lý và sử dụng nghĩa trang: Các khu vực có mộ nhỏ lẻ từng bước di chuyển về nghĩa trang tập trung của đô thị tại xã khu vực phía Đông Nam. Đóng cửa các nghĩa trang không đảm bảo về hoảng cách và môi trường nằm trong khu vực phát triển đô thị. Khuyến khích hỏa táng, các hoạt động táng mới sẽ được thực hiện tại nghĩa trang tập trung của khu vực. Xây dựng mới nhà tang lễ nghĩa trang nhân dân đô thị huyện lỵ Thanh Liêm.

7.4.6. Định hướng san nền: Cao độ khống chế nền xây dựng khu vực dân dụng Hxd ≥ 2.0m. Đối với các khu vực hiện trạng đã xây dựng có mật độ cao như làng xóm, cơ quan xí nghiệp... dự kiến giữ nguyên nền hiện trạng. Những khu vực có cao độ nền nhỏ hơn cao độ khống chế < 2,0m, từng bước cải tạo đảm bảo theo cao độ khống chế chung của khu vực.

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

8.1. Các tác động và dự báo ảnh hưởng đến môi trường của khu vực:

- Các tác động do đô thị hóa, phát triển không gian đô thị: Khu đô thị hình thành làm không gian, môi trường đô thị trong khu vực bị biến đổi.
- Nguồn nước thải, chất thải rắn đô thị có thể ảnh hưởng đến môi trường nước mặt tại các hồ, kênh mương và nước ngầm trong khu vực đô thị.
- Ô nhiễm không khí, tiếng ồn từ hoạt động dân sinh, giao thông đặc biệt là khu vực kề cận các trục đường giao thông chính của dự án.

8.2. Các tác động do phát triển hạ tầng kỹ thuật: Công tác thi công san nền, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình kiến trúc làm thay đổi địa hình, thủy văn, mặt nước ngầm, hệ sinh thái của khu vực.

8.3. Các giải pháp quy hoạch, giảm thiểu và quản lý tác động môi trường:

- Khu vực tạo ra tiếng ồn, khói bụi bố trí các dải cây xanh cách ly. Khu nghĩa trang được đóng cửa, cải tạo chính trang trồng cây xanh cảnh quan trong khu. Có chế độ thu gom và xử lý nghiêm ngặt các chất thải nguy hại phát sinh.
- Xây dựng hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải sinh hoạt riêng biệt, giảm thiểu tối đa tác động đến hệ thống thoát nước mặt và nước ngầm.
- Lập phương án thi công hợp lý, tiến hành thi công đồng bộ tránh tình trạng các hạng mục thi công sau ảnh hưởng tới các hạng mục thi công trước.
- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường theo định kỳ.

9. Chương trình chiến lược và các dự án ưu tiên đầu tư:

- Xây dựng Trung tâm hành chính huyện, gồm các cơ quan hành chính nhà nước phục vụ toàn huyện.
- Xây dựng trung tâm thương mại, nâng cấp mở rộng chợ Thanh Lưu hiện hữu thành chợ huyện.
- Xây dựng trường THCS chất lượng cao.
- Xây dựng trung tâm thể dục thể thao của huyện, gồm sân vận động, nhà thi đấu, nhà văn hóa thanh thiếu nhi, bể bơi...
- Xây dựng quảng trường, khu hoa viên cây xanh kết hợp với khu trung tâm thể dục thể thao.
- Cải tạo nâng cấp Trung tâm y tế huyện, tăng cường thêm trang thiết bị y tế và số giường bệnh.
- Cải tạo chính trang khu ở hiện hữu thuộc khu vực trung tâm đô thị huyện lỵ.
- Xây dựng bến xe tại khu đất phía bắc nút giao của đường T4 và tỉnh lộ 499B.
- Xây dựng các đường trục chính đô thị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan công bố Quy hoạch và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch; tổ cắm mốc giới quy hoạch ngoài thực địa và quản lý chặt chẽ hiện trạng đất đai để quản lý xây dựng và thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Giám đốc Công ty Điện lực Hà Nam; Ban Quản lý phát triển Khu đô thị mới; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Các PCT UBND tỉnh;
 - Như điều 3(12);
 - VPUB; CPVP, NN-TNMT, NV, GTXD, TH;
 - Lưu VT, GTXD.
- QV- ĐQĐ\2019\0189



Trương Minh Hiến